

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

TRẦN THỊ VUI^(*)

Ngày nhận bài: 30/01/2024 Ngày thẩm định: 31/01/2024 Ngày duyệt đăng: 20/02/2024

Tóm tắt: Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng trong thời kỳ mới, Đảng luôn coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đặc biệt, Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh một trong ba đột phá chiến lược là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện chủ trương của Đảng, công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần to lớn vào những thành tựu của công cuộc đổi mới và hướng tới khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Từ khóa: công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hội nhập quốc tế; nguồn nhân lực chất lượng cao

1. Chủ trương của Đảng về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

Nguồn nhân lực chất lượng cao là những người trong độ tuổi lao động, có đủ trí lực, thể lực, tài lực, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất vật chất và tinh thần của xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện tiên quyết bảo đảm thực hiện thành công các mục tiêu phát triển đất nước nhanh và bền vững. Chính vì vậy, Đảng đã có chủ trương đúng đắn về phát triển nguồn nhân

lực chất lượng cao, nhất là từ Đại hội lần thứ XI của Đảng đến nay.

Tại Đại hội lần thứ XI, Đảng khẳng định: “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững”⁽¹⁾. Quan điểm này tạo điểm nhấn trong nhận thức của Đảng về coi trọng nhân tố con người trong chiến lược phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Từ mô hình tổng thể xã hội xã hội chủ nghĩa, Đảng nêu rõ: Con người là mục tiêu, đồng thời là động lực phát triển của xã hội⁽²⁾, cũng có nghĩa, con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể của phát triển⁽³⁾. Trên cơ sở đó,

^(*) PGS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Đảng nhận thức rõ hơn nội dung, yêu cầu và phương hướng các chính sách nhằm phát triển con người Việt Nam hiện đại; trong đó, nhiệm vụ hàng đầu phải phát triển con người toàn diện về vật chất và tinh thần, về trí tuệ, tài năng, thể chất, đạo đức, lối sống và khát vọng sáng tạo, cống hiến.

Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Đại hội lần thứ XII của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao, khi nhấn mạnh: “*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu*”⁽⁴⁾. Đại hội lần thứ XII của Đảng chủ trương: “*Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, cho từng ngành, từng lĩnh vực, với những giải pháp đồng bộ, trong đó tập trung cho giải pháp đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực trong nhà trường cũng như trong quá trình sản xuất kinh doanh, chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp và kỹ năng thực hành*”⁽⁵⁾.

Với khát vọng đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại vào năm 2030, Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương khoa học là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Một trong ba đột phá chiến lược mà Đại hội đề ra là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh

vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo... gắn với phát triển khoa học, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc⁽⁶⁾.

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 về *tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*. Nghị quyết nêu rõ: “*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo... Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò đặc biệt quan trọng của đội ngũ trí thức và doanh nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tình hình mới. Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển đội ngũ trí thức, Chiến lược phát triển đội ngũ doanh nhân đến năm 2030, chương trình quốc gia về đào tạo doanh nhân...*”⁽⁷⁾.

Ngày 11/01/2024, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 69-KL/TW *tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, trong đó, nhấn mạnh: “*thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo bước đột phá để chuyển nhanh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất lao động, tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn lực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần chuyển đổi căn bản, toàn diện*

nền kinh tế và đời sống xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế quốc gia, phát triển đất nước nhanh và bền vững⁽⁸⁾.

Như vậy, Đảng và Nhà nước đã nhất quán trong quan điểm về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đó là căn cứ chính trị, pháp lý quan trọng bảo đảm cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

2. Một số kết quả đạt được về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài. Đội ngũ trí thức, doanh nhân, công nhân tay nghề cao xuất hiện ngày càng nhiều trong xã hội, có đóng góp quan trọng trên nhiều lĩnh vực tạo động lực cho sự phát triển của đất nước. Giai đoạn 2016 - 2020, tình hình đất nước còn nhiều khó khăn, phải đối mặt với nhiều thách thức nhưng tốc độ tăng trưởng GDP bình quân vẫn đạt khoảng 06%/năm⁽⁹⁾. Năm 2022, tăng trưởng kinh tế đạt 8,02%, cao hơn nhiều so với kế hoạch 6 - 6,5%, và là mức tăng cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới⁽¹⁰⁾.

Hiện nay, Việt Nam có khoảng 100 triệu người, trong đó tỷ lệ tham gia lực lượng lao động chiếm khoảng 68,7%. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo chiếm khoảng 64,5% (theo đánh giá của Tổng cục Thống kê quý I/2021); năng suất lao động của Việt Nam được cải thiện rõ nét, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 5,8%/năm, cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 (4,3%) và vượt mục tiêu đề ra (5%)⁽¹¹⁾. Đây là yếu tố thuận lợi để Việt Nam khai thác, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh

tế - xã hội, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kết quả phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thể hiện trong một số lĩnh vực sau:

Một là, trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết, văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược, quy hoạch về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo như Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Luật Giáo dục đại học, Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp, ... Giáo dục và đào tạo ngày càng quan tâm đến con người, vì mục đích phát triển tự do, toàn diện của con người. Công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo được chú trọng và đạt được nhiều kết quả, tạo chuyển biến quan trọng. Chủ trương giáo dục lý luận gắn với thực tiễn, học đi đôi với hành, nhà trường kết hợp với gia đình và xã hội được quan tâm, coi trọng. Nội dung chương trình giáo dục và đào tạo được đổi mới, cập nhật phù hợp tình hình thực tiễn và xu thế phát triển của thế giới, tập trung giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên. Phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực được chú trọng. Công tác hướng nghiệp sau trung học được tăng cường và có những kết quả ban đầu. Nhiều cơ sở giáo dục và đào tạo đạt chuẩn quốc tế trên một số lĩnh vực. Có nhiều chính sách quan tâm, phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, các vùng đặc biệt khó khăn, các đối tượng chính sách xã hội. Đầu tư kinh phí cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt khoảng 20% tổng chi ngân sách⁽¹²⁾...

Hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo tiếp tục được đẩy mạnh. Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản khuyến khích việc thu hút các tổ chức quốc tế, tổ chức giáo dục nước ngoài, các chuyên gia, các nhà khoa học tham gia vào đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ ở Việt Nam.

Hai là, trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Đây là lĩnh vực có tác động tích cực tới nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao. Khoa học và công nghệ, và việc ứng dụng chúng vào sản xuất và đời sống, đặc biệt là các quan hệ hợp tác quốc tế trong nghiên cứu - phát triển, góp phần rất quan trọng vào việc đẩy nhanh quá trình hội nhập quốc tế và tạo ra khả năng bảo đảm quá trình hội nhập này được thực hiện một cách hiệu quả. Điều này có thể thực hiện được nhờ tiến bộ khoa học và công nghệ giúp xây dựng những lợi thế so sánh của cả quốc gia cũng như các doanh nghiệp trong nước đối với các đối tác quốc tế.

Để thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng về phát triển khoa học và công nghệ, Nhà nước đã thể chế hóa thành các văn bản góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách thúc đẩy khoa học công nghệ phát triển. Đến năm 2021, Quốc hội đã ban hành 08 đạo luật chuyên ngành, đặc biệt là Luật Khoa học và công nghệ đã được Quốc hội khóa XIII thông qua. Nhiều nội dung về khoa học và công nghệ được đề cập trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XII, XIII của Đảng, nhất là Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị *tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế...*,

Kết quả nghiên cứu khoa học ở các ngành, các lĩnh vực khẳng định hiệu quả của việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các biện pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Các ngành khoa học đều có đóng góp quan trọng cho sự phát triển đất nước. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn đã đóng góp quan trọng cho tổng kết thực tiễn sự nghiệp đổi mới, cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng các văn kiện, nghị quyết của Đảng, xác định mô hình và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kết quả phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cũng giúp Việt Nam vươn tầm trong xếp hạng các quốc gia về lĩnh vực giáo dục năm 2021 của US News, Việt Nam xếp thứ 59, tăng 05 bậc so với năm 2020. Năm 2022, Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam xếp thứ 48/132 quốc gia và vùng lãnh thổ được xếp hạng⁽¹³⁾.

Với chủ trương, chính sách kịp thời, đúng đắn về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đã đưa đất nước ngày càng phát triển. Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Đến năm 2021, Việt Nam đã thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có FTA với 60 nền kinh tế⁽¹⁴⁾, kết nối nhiều thị trường xuất khẩu tiềm năng, góp phần tăng kim ngạch thương mại từ 2,9 tỷ USD (năm 1986) lên trên 500 tỷ USD (năm 2019)⁽¹⁵⁾. Tính theo GDP, Việt Nam là nền kinh tế đứng thứ 46 trên thế giới. Năm 2020, kinh tế Việt Nam tăng trưởng 2,91% - mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011 - 2020⁽¹⁶⁾ và cũng ở mức thấp nhất trong gần 40 năm đổi mới (1986 - 2023), nhưng vẫn được xem là một kết quả ấn tượng trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 bùng phát trên toàn

cầu. Tạp chí The Economist (Anh) tháng 8/2020 đã xếp Việt Nam trong nhóm 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới. Năm 2023, GDP bình quân đầu người đạt 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022⁽¹⁷⁾. PwC - một trong bốn công ty kiểm toán hàng đầu thế giới (có trụ sở tại Anh), dự báo Việt Nam sẽ nằm trong số 30 nền kinh tế lớn nhất thế giới sau năm 2030. Bên cạnh đó, quy mô giáo dục và đào tạo tăng nhanh, chất lượng nguồn nhân lực có bước cải thiện đáng kể. Cải cách hành chính mà trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính được triển khai mạnh mẽ và đạt được những kết quả tích cực, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh.

Những thành tựu to lớn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đã giúp cho đời sống vật chất của nhân dân được cải thiện không ngừng, một điều kiện cơ bản hàng đầu bảo đảm cho sự phát triển của con người Việt Nam. Nhiều chỉ số phát triển con người Việt Nam có chuyển biến tích cực. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng lên. Thu nhập bình quân đầu người trong cả nước năm 2023 đã tăng gần 03 lần so với thời điểm năm 2010. Đầu tư của Nhà nước cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, nhất là đường giao thông, hạ tầng giáo dục được quan tâm hơn. Tỷ lệ hộ nghèo trong cả nước giảm từ 14,2% xuống dưới 03% năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Chương trình xây dựng nông thôn mới đã đạt được những kết quả quan trọng, thực sự góp phần cải thiện toàn diện cuộc sống của người dân ở khu vực nông thôn. Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe ngày càng được nâng cao về chất lượng. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng nhanh, từ 60,9% năm 2010 lên 90,7% năm 2020⁽¹⁸⁾. Chỉ số phát triển con người của Việt Nam không ngừng được cải thiện, thuộc nhóm nước có chỉ số phát triển con người trung bình cao của thế giới.

Những kết quả trên đã chứng minh nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong thực hiện những chỉ tiêu, nội dung về phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, cần tiếp tục có những cơ chế, chính sách đánh thức, khơi dậy tiềm năng, thế mạnh của nguồn nhân lực chất lượng cao đúng lúc, đúng nơi một cách hiệu quả.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, phát triển nguồn nhân lực còn có hạn chế nhất định. Cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên các ngành, các lĩnh vực chưa có sự đột phá, đồng bộ, toàn diện. Chưa thu hút được nhiều nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực quản lý, khoa học và công nghệ; việc đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội về cả trí lực, thể lực. Một số sinh viên tốt nghiệp ra trường chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Thể lực người lao động còn thấp, từ năm 1993 đến năm 2020, chiều cao trung bình của thanh niên Việt Nam chỉ tăng thêm 3cm, thấp hơn chuẩn quốc tế khoảng 10cm và thấp hơn chiều cao trung bình của đa số các nước trong khu vực châu Á⁽¹⁹⁾... Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đánh giá: “Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; còn nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa quan tâm đúng mức đến kỹ năng xã hội, kỹ năng sống và khả năng tự học, kỹ năng sáng tạo”⁽²⁰⁾. Vì vậy, trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra định hướng tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài.

Nhân lực qua đào tạo của Việt Nam có chiều hướng tăng nhanh, nhưng số người qua đào tạo và đào tạo nghề có bằng cấp, chứng chỉ vẫn ở mức thấp so với tổng số lao động đã qua đào tạo. Lao động nông

ngành hiện đang chiếm trên 41% tổng lao động xã hội, nhưng lại có chất lượng thấp nhất. Tình trạng đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn đang là vấn đề nan giải do không có nghề hoặc khó khăn trong việc học nghề để chuyển nghề⁽²¹⁾.

Lực lượng lao động là trí thức được đào tạo ở trình độ cao cũng tăng lên nhanh chóng từ mở rộng quy mô đào tạo, đặc biệt là đào tạo ở bậc đại học và trên đại học. Đến năm 2020, cả nước có khoảng 14.000 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, 1.432 giáo sư, 7.750 phó giáo sư, 16.000 thạc sĩ, 30.000 cán bộ hoạt động, 52.129 giảng viên đại học, cao đẳng, trong số đó 49% giảng viên đại học có trình độ thạc sĩ trở lên, 14.000 giáo viên trung cấp chuyên nghiệp, 11.200 giáo viên dạy nghề và 925.000 giáo viên hệ phổ thông. Tuy nhiên, do chất lượng đào tạo chưa tương xứng với yêu cầu, coi trọng số lượng hơn chất lượng, nên đội ngũ này chưa phát huy được đầy đủ vai trò tích cực cho phát triển khoa học và công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước⁽²²⁾.

Mặc dù còn một số hạn chế, song qua khảo cứu việc thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, với những kết quả đạt được trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, có thể khẳng định, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đã có những đóng góp quan trọng, tạo nền tảng vững chắc và trên nhiều phương diện có vai trò quyết định tạo nên những thành tựu của quá trình đổi mới toàn diện và đồng bộ trong thời gian qua. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba bước đột phá quan trọng cần tập trung đẩy mạnh trong giai đoạn tiếp theo nhằm thực hiện khát vọng một Việt Nam phồn vinh, hùng cường □

(1), (2) và (3) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.130, 100 và 76

(4) và (5) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.90 và 116

(6) và (9) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, tr.203 và 60-61

(7)<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2022/11/7/29/NQ-29-TW.pdf>

(8) <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ket-luan-so-69-kltw-ngay-11012024-cua-bo-chinh-tri-ve-tiep-tuc-thuc-hien-nghi-quyet-so-20-nqtw-ngay-01112012-cua-ban-chap-hanh-10117>

(10)<https://baochinhphu.vn/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-be-mac-hoi-nghi-trung-uong-giua-nhiem-ky-10223051717175679.htm>

(11)<https://lendviet.com/phat-trien-nguon-nhan-luc-chat-luong-cao>.

(12) và (18) Hội đồng Lý luận Trung ương, *30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.156 và 155

(13)<https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=8841>

(14) Thế Hoàng, *Việt Nam có FTA với 60 nền kinh tế trên toàn cầu*, <https://baodautu.vn/viet-nam-co-fta-voi-60-nen-kinh-te-tren-toan-cau-d114088.html>, ngày 04/01/2020

(15) Bùi Thanh Sơn, *Ngoại giao kinh tế đóng góp tích cực vào phát triển của đất nước*, <https://baoquocte.vn/ngoai-giao-kinh-te-dong-gop-tich-cuc-vaophat-trien-cua-dat-nuoc-130877.html>

(16) Tốc độ tăng GDP các năm từ năm 2011 đến năm 2020 lần lượt là: 6,24%; 5,25%; 5,42%; 5,98%; 6,68%; 6,21%; 6,81%; 7,08%; 7,02%; 2,91%

(17)<https://tuoitre.vn/tang-truong-gdp-nam-2023-dat-5-05-20231229100412687.htm>

(19) T. Huyền, *Nâng cao thế lực, tầm vóc cho thế hệ tương lai*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 11/12/2020, <https://dangcongsan.vn/y-te/nang-cao-the-luc-tam-voc-cho-the-he-tuong-lai-569772.html>

(20) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.70

(21) và (22) PGS,TS. Vũ Văn Phúc, *Nhận thức và giải pháp thực hiện các đột phá chiến lược phát triển đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.60 và 61